

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu
2. Ông Phan Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 27/02/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1984 “có mặt”

Bị đơn: Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1984 “có mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Đắc, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1981 “vắng mặt”

Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1975 “vắng mặt” (ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Q theo biên bản ủy quyền ngày 03/12/2018)

Cùng địa chỉ: Thôn Bù K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** LỜI TRÌNH BÀY CỦA BÀ LÊ THỊ MỸ L TẠI ĐƠN KHỞI KIẾN, CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ VỤ ÁN VÀ TẠI PHIÊN TÒA NHƯ SAU:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Văn V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước (nay là xã Bình

Tân), huyện Phước Long (nay là huyện Bù Gia Mập), tỉnh Bình Phước vào ngày 05/02/2007. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bà L và ông V không hợp nhau về tính cách, lối sống, ngoài ra ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông V có 02 người con chung tên là Trần Tuấn K, sinh ngày 03/11/2007 và Trần Như Y, sinh ngày 03/7/2012. Tại phiên tòa bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung; bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi các con chung với số tiền 1.000.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ông Trần Văn V trình bày các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn ông V thống nhất với lời trình bày của bà L. Ông V cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng ông V và bà L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng bà L không tha thứ cho ông V và đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Ông V cho rằng vẫn còn tình cảm và mong muốn được đoàn tụ với bà L, tuy nhiên vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng bà L không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp ông V và bà L ly hôn, ông V đồng ý giao các con chung cháu Trần Tuấn K và cháu Trần Như Ý cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông V đồng ý theo mức cấp dưỡng bà L yêu cầu là 1.000.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Phạm Thị Quý trình bày các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:*

Ngày 16/11/2018, bà Quý và chồng là ông Nguyễn Công H có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập buộc vợ chồng bà L và ông V có trách nhiệm trả cho bà Quý, ông H số tiền nợ chung, trong đó số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa bà Quý, ông V, bà L đã tự thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ trả nợ cho bà Q. Do đó vào ngày 18/12/2018 bà Quý có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập đối với bà L, ông V.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổ tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình

tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà L được ly hôn ông V, ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung giữa các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn V theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn ông V cư trú tại xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/02/2007. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L và ông V không hợp nhau về tính cách, lối sống, ngoài ra ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và dẫn đến sống ly thân. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông V. Đối với ông V cũng xác nhận thời gian chung sống vợ chồng ông V và bà L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng bà L không tha thứ cho ông V, vợ chồng ông đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2018 cho đến nay vẫn không đoàn tụ được. Xét thấy hôn nhân hạnh phúc là sự tự nguyện, vun đắp của cả hai bên vợ chồng, đối với bà L xác định nay không còn tình cảm yêu thương gì với ông V nữa, do đó nếu bà L và ông V tiếp tục chung sống cũng không đạt được hạnh phúc. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà L được ly hôn ông V.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông V có 02 con chung tên là Trần Tuấn K, sinh ngày 03/11/2007 và Trần Như Y, sinh ngày 03/7/2012, tại phiên tòa bà L và ông V thống nhất thỏa thuận: giao cả 02 con chung cháu Y và cháu K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà L và ông V phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà L và ông V về việc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cháu K,

cháu Ý mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông V cùng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Quý, ông H yêu cầu vợ chồng ông V, bà L có trách nhiệm trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 18/12/2018 bà Quý rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Quý là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Công H và bà Phạm Thị Quý.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà L pH chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Văn V.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Như Y, sinh ngày 03/7/2012 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 03/11/2007 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Y và cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà L và ông V về việc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung Trần Như Y và Trần Tuấn K mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Công H và bà Phạm Thị Quý.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ L pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0018482 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Trả lại ông Nguyễn Công H số tiền tạm ứng án phí 5.750.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu số 0019551 ngày 16/11/2018.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Phước Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Ly